

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2897 /XNK-QLCĐ

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2014

v/v: Công bố thông tin (Báo cáo Tài chính
bán niên năm 2014)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không
2. Mã chứng khoán: ARM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 414 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, TP Hà Nội
4. Điện thoại: 04.38271939 – 38271351 Fax: 04.38271925
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Quốc Trường
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét năm 2014 của CTCP Xuất nhập khẩu Hàng không được lập ngày 10 tháng 08 năm 2014 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Giải trình biến động LNST giảm so với cùng kỳ năm trước.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin công bố: airimex.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu văn thư, QLCĐ

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Nguyễn Quốc Trường

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2898/2014/XNK-QLCĐ
V/v Giải trình biến động LN sau thuế
6 tháng đầu năm 2014 giảm so với cùng kỳ năm trước.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2014

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012, Công ty cổ phần XNK Hàng không (mã chứng khoán ARM) xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2014 biến động giảm (trên 10%) so với cùng kỳ năm 2013, vì những lý do sau:

1. Về doanh thu: Doanh thu 6 tháng đầu năm 2014 chỉ bằng 74,81% so với 6 tháng đầu năm 2013 là do một số hợp đồng Công ty đã ký có giá trị lớn và sẽ được giao hàng trong quý III và quý IV năm 2014, do đó việc sụt giảm doanh thu 6 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước là điều bình thường;

2. Về chi phí: Quý I năm 2014, Công ty phải nộp bổ sung 1,047 tỷ đồng tiền thuế nhập khẩu Xe vận chuyển chở suất ăn lên máy bay cung cấp cho Công ty CP suất ăn Hàng không Nội Bài do cơ quan Hải quan ra quyết định ấn định thuế (từ 3% lên 30%), làm phát sinh chi phí bất thường của quý I/2014. Điều này ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm của Công ty.

Công ty cổ phần XNK Hàng không xin giải trình các cơ quan chức năng.

Xin trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT; QLCD.

Giám đốc

Nguyễn Quốc Trường



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 – 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đặng Xuân Cừ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trường	Ủy viên
Ông Trần Chí Dũng	Ủy viên
Ông Đoàn Minh Phú	Ủy viên
Ông Đinh Ngọc Chung	Ủy viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Dương Thị Việt Thắm	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Thanh Hoa	Thành viên
Bà Vũ Thị Nguyệt Nga	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 01/4/2014)
Bà Nguyễn Thị Thanh Lan	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 01/4/2014)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Quốc Trường	Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Chung	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hồng Quang	Phó Giám đốc
Bà Vũ Thị Nguyệt Nga	Phụ trách kế toán (Miễn nhiệm ngày 01/7/2014)
Bà Dương Ánh Hồng	Phụ trách kế toán (Bổ nhiệm ngày 01/7/2014)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi công bố rằng, không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quốc Trường
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2014

789-C
CÔNG TY
PHIẾM H
M T O
T.
NHÀ
HÀ N
HẤY



Văn phòng Hà Nội

Tầng 7, Tòa nhà Lotus, Số 2 Đường Duy Tân
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Tel: +844 3795 53 53 | Fax: +844 3795 52 52
www.rsm.com.vn | dtl_hanoi@rsm.com.vn

Số.74/2014/DTLHN - BCKT

BÁO CÁO SOÁT XÉT

V/v: Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014
của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông của
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng Không**

Báo cáo soát xét về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không ("Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 06 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty thấy cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến soát xét về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả và cơ sở công tác soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT (TIẾP)

Ý kiến soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng Không tại ngày 30/6/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thành Lâm
Giám đốc

Giấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề:
0299-2013-026-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2014

Trần Thế Thụ
Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề:
2382-2013-026-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/6/2014	Tại ngày 01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		134.200.996.587	92.799.061.208
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	24.492.621.978	20.360.846.173
1. Tiền	111		24.492.621.978	10.360.846.173
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.992.925.787	59.379.009.143
1. Phải thu của khách hàng	131	4.2	38.213.001.288	52.440.903.051
2. Trả trước cho người bán	132	4.3	49.777.945.576	6.938.106.092
3. Các khoản phải thu khác	135	4.2	1.978.923	-
IV. Hàng tồn kho	140	4.4	20.007.935.226	12.528.354.411
1. Hàng tồn kho	141		20.007.935.226	12.528.354.411
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.707.513.596	530.851.481
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		27.777.273	27.777.273
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		912.224.135	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		74.957.245	54.086.475
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		692.554.943	448.987.733
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.764.633.551	8.784.069.532
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.962.128.429	8.491.607.919
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	7.962.128.429	8.491.607.919
Nguyên giá	222		19.275.436.968	19.229.655.150
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.313.308.539)	(10.738.047.231)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		87.477.500	87.477.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(87.477.500)	(87.477.500)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		802.505.122	292.461.613
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		802.505.122	292.461.613
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		142.965.630.138	101.583.130.740

Nguyễn Văn Cường
Giám đốc
Ngày 30 tháng 6 năm 2014

Dương Anh Hồng
Phụ trách kế toán

Trần Thị Minh
Người lập

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/6/2014	Tại ngày 01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		104.358.968.549	62.613.946.043
I. Nợ ngắn hạn	310		104.189.168.549	62.613.946.043
1. Phải trả người bán	312	4.6	30.224.851.424	31.259.093.741
2. Người mua trả tiền trước	313	4.7	65.225.114.933	19.852.379.927
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.8	691.008.670	1.842.056.491
4. Phải trả người lao động	315		3.407.999.244	4.159.495.330
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.9	3.329.070.736	3.694.721.467
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		393.667.084	564.324.314
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		917.456.458	1.241.874.773
II. Nợ dài hạn	330		169.800.000	-
1. Phải trả dài hạn khác	333		35.000.000	-
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		134.800.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.10	38.606.661.589	38.969.184.697
I. Vốn chủ sở hữu	410		38.606.661.589	38.969.184.697
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.927.400.000	25.927.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.136.540.000	1.136.540.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.058.800.890	4.058.800.890
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.473.497.115	1.473.497.115
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.010.423.584	6.372.946.692
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		142.965.630.138	101.583.130.740

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30/6/2014	Tại ngày 01/01/2014
1. Ngoại tệ các loại			
- USD	6.1	7.153,46	121.645,77
- EUR	6.1	19.538,55	5.032,99



Nguyễn Quốc Trường
Giám đốc
Ngày 10 tháng 8 năm 2014

Dương Ánh Hồng
Phụ trách kế toán

Trần Thị Ninh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	133.294.288.826	177.685.344.720
2. Các khoản giảm trừ	02	5.1	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	133.294.288.826	177.685.344.720
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	112.543.768.885	157.746.834.198
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.750.519.941	19.938.510.522
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	951.987.692	1.905.746.165
7. Chi phí tài chính	22	5.4	813.806.595	1.218.486.255
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.227.306	-
8. Chi phí bán hàng	24	5.5	5.615.224.149	4.255.409.141
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	10.838.232.202	11.706.423.762
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.435.244.687	4.663.937.529
11. Thu nhập khác	31		172.476.390	83.600.000
12. Chi phí khác	32		1.056.663.276	106.172.000
13. (Lỗ) khác	40		(884.186.886)	(22.572.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.551.057.801	4.641.365.529
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	777.817.938	1.180.002.375
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.773.239.863	3.461.363.154
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.10.3	1.070	1.335



Nguyễn Quốc Trường
Giám đốc
Ngày 10 tháng 8 năm 2014

Dương Ánh Hồng
Phụ trách kế toán

Trần Thị Ninh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.551.057.801	4.641.365.529
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.5	598.656.582	723.925.546
- (Hoàn nhập) dự phòng	03		-	(1.284.994.700)
- Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		121.249.314	(23.224.644)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(209.609.114)	(690.469.160)
- Chi phí lãi vay	06		33.227.306	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		4.094.581.889	3.366.602.571
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(29.835.255.851)	7.687.658.739
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(7.479.580.815)	10.784.942.869
- (Giảm)/tăng các khoản phải trả	11		23.729.784.505	(6.803.643.793)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(510.043.509)	581.730.812
- Lãi tiền vay đã trả	13		(33.227.306)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.087.108.944)	(1.424.961.844)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (i)	15		18.271.283.001	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(54.000.000)	(9.778.910.340)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.096.432.970	4.413.419.014
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(78.500.000)	(12.536.364)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		209.609.114	690.469.160
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		131.109.114	677.932.796
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		7.654.486.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.654.486.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.111.288.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.111.288.000)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		4.116.254.084	5.091.351.810
Tiền và tương đương tiền đầu KỲ	60	4.1	20.360.846.173	34.294.346.747
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		15.521.721	73.758.298
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.1	24.492.621.978	39.459.456.855

(i): Phần thu khác chi khác chủ yếu là khoản chênh lệch giữa thu, chi về nhập khẩu ủy thác cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam và Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay - VAECO.



Nguyễn Quốc Trường
Giám đốc
Ngày 10 tháng 8 năm 2014

Dương Ánh Hồng
Phụ trách kế toán

Trần Thị Ninh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không ("Công ty") trước đây là Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1173/QĐ/TCCB/LĐ ngày 30/7/1994 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không theo Quyết định số 3892/QĐ- BGTVT ngày 17/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Từ khi chuyển đổi, Công ty đã thực hiện điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh 6 lần như sau:

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 1	Ngày 18/5/2006
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 2	Ngày 15/8/2007
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 3	Ngày 01/7/2009
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 4	Ngày 05/10/2009
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 5	Ngày 07/7/2011
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 6	Ngày 09/10/2013

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 09/10/2013, Công ty có vốn điều lệ là 25.927.400.000 VND, tương đương 2.592.740 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Trong đó, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam sở hữu 41,31%.

Ngày 26/10/2010, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là ARM theo Giấy Chứng nhận Niêm yết Cổ phiếu số 92/GCN-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Số lao động làm việc tại Công ty ngày 30/6/2014 là 116 người (Tại ngày 30/6/2013 là 115 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 414 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm

- Kinh doanh máy bay, động cơ, dụng cụ, thiết bị, phụ tùng và vật tư máy bay;
- Kinh doanh phương tiện, thiết bị dụng cụ, vật tư, và phụ tùng cho ngành hàng không;
- Đại lý vé, giữ chỗ hàng không trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kho ngoại quan;
- Dịch vụ ủy thác, xuất nhập khẩu kê khai hải quan;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá; và
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hoá Công ty kinh doanh.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo giữa niên độ năm tài chính 2014 được bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/6/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách Kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 Các khoản phải thu của khách hàng và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh và bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm luân chuyển và khiêm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (Năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Phương tiện vận tải	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

3.7 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cho các cổ đông sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ và thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức cuối kỳ được công bố và chi trả trong năm kế tiếp sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ hoàn thành của từng giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thu nhập khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bán ra tại ngày 30/06/2014 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia lãi cho các cổ đông.

3.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích các quỹ và thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không điều hành trực tiếp cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.11 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 25% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức sau:

Dịch vụ vận chuyển quốc tế	0%
Dịch vụ ủy thác nhập khẩu	10%
Dịch vụ vận chuyển nội địa	10%
Dịch vụ cho thuê nhà	10%
Các hàng hóa và dịch vụ khác	10%
Hàng máy tre đan	5%

Chiết khấu từ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam cho hoạt động bán vé máy bay là thu nhập được miễn thuế GTGT.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

1789
CÔNG T
NHIỆM
EM T
D.T.
HI NH
HÀ N
GIẤY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại lại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/6/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Tiền mặt	321.611.483	229.862.857
Tiền gửi ngân hàng	24.171.010.495	10.130.983.316
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
Cộng	24.492.621.978	20.360.846.173

4.2 Phải thu của khách hàng và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Tại ngày 30/6/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Phải thu khách hàng	38.213.001.288	52.440.903.051
Phải thu từ các bên liên quan	21.118.205.334	20.783.920.395
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	20.783.076.159	19.014.569.074
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay VAECO	335.129.175	1.769.351.321
Các khoản phải thu bên thứ ba	17.094.795.954	31.656.982.656
Tổng Công ty Cảng Hàng không VN	2.636.993.194	13.612.205.165
Công ty Trực thăng Miền Nam	-	6.636.169.078
Công ty TNHH Thương mại Hành Tinh Xanh	-	2.509.596.600
Công ty TNHH MTV ALS Thái Nguyên	2.404.480.422	1.988.985.600
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	1.209.151.284	1.205.160.000
Công ty TNHH Honda Việt Nam	-	934.220.525
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng	3.655.515.000	-
Các khách hàng khác	7.188.656.054	4.770.645.688
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Cộng	38.213.001.288	52.440.903.051

4.3 Trả trước cho người bán

	Tại ngày 30/6/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Các khoản ứng trước cho bên thứ ba	49.777.945.576	6.938.106.092
Công ty TNHH Thương mại XNK An Tâm	20.138.030.000	-
Công ty Topcast	25.383.597.888	-
Công ty Aerospace	2.673.097.200	-
Công ty TNHH Đầu tư B&T	-	2.401.344.000
Công ty TNHH TLD Asia	-	760.626.240
Công ty TNHH Shanghai Cartoo Gse	-	1.028.282.112
Các nhà cung cấp khác	1.583.220.488	2.747.853.740
Cộng	49.777.945.576	6.938.106.092

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.4 Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/6/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Hàng hoá	4.812.431.079	6.377.172.328
Hàng gửi đi bán	15.195.504.147	6.151.182.083
Giá gốc hàng tồn kho	20.007.935.226	12.528.354.411
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	20.007.935.226	12.528.354.411

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	11.903.616.665	3.119.803.112	4.206.235.373	19.229.655.150
Mua sắm mới	-	-	78.500.000	78.500.000
Giảm khác	-	-	(32.718.182)	(32.718.182)
Tại ngày 30/6/2014	11.903.616.665	3.119.803.112	4.252.017.191	19.275.436.968
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	5.937.283.625	1.620.864.976	3.179.898.630	10.738.047.231
Trích khấu hao	288.880.278	166.279.146	143.497.158	598.656.582
Giảm khác			(23.395.274)	(23.395.274)
Tại ngày 30/6/2014	6.226.163.903	1.787.144.122	3.300.000.514	11.313.308.539
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2014	5.966.333.040	1.498.938.136	1.026.336.743	8.491.607.919
Tại ngày 30/6/2014	5.677.452.762	1.332.658.990	952.016.677	7.962.128.429

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2014 là 3.959.888.283 VND (Tại ngày 01/01/2014 là 3.929.376.647 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.6 Phải trả người bán

	Tại ngày 30/6/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Phải trả bên liên quan	4.243.758.939	1.556.755.596
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	4.243.758.939	1.556.755.596
Phải trả bên thứ ba	25.981.092.485	29.702.338.145
Hãng TLD - Hồng Kông	1.314.833.050	3.894.580
Tập đoàn Gate	535.152.780	7.383.053.525
Công ty Cổ phần AVINTECH	3.952.640.000	5.246.197.600
Công ty Tường Long	3.176.918.000	-
Công ty Thiết bị Máy bay XINFA	9.720.936.000	12.337.248.000
Các nhà cung cấp khác	7.280.612.655	4.731.944.440
Cộng	30.224.851.424	31.259.093.741

4.7 Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 30/6/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Trả trước từ các bên liên quan	42.434.876.977	13.074.777.876
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	1.107.027.456	153.392.206
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay - VAECO	41.327.849.521	12.921.385.670
Trả trước từ bên thứ ba	22.790.237.956	6.777.602.051
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	19.854.894.400	3.830.473.778
Chi nhánh Cảng HK Đà Nẵng	2.836.381.681	-
Công ty TNHH MTV Trực thăng Miền Bắc	-	286.237.500
Công ty TNHH MTV ALS Thái Nguyên	-	1.572.208.000
Các khách hàng khác	98.961.875	1.088.682.773
Cộng	65.225.114.933	19.852.379.927

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/6/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Thuế Giá trị gia tăng	13.635.047	808.272.624
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	549.407.383	858.698.389
Thuế Thu nhập cá nhân	127.966.240	175.085.478
Cộng	691.008.670	1.842.056.491

4.9 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại ngày 30/6/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Tạm thu tiền hàng và thuế nhập khẩu từ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	3.200.000.000	3.200.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	129.070.736	494.721.467
Cộng	3.329.070.736	3.694.721.467

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.10 Vốn chủ sở hữu****4.10.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ SH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2013	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	1.473.497.115	10.277.380.168	42.873.618.173					
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	7.650.834.299	7.650.834.299					
Chia cổ tức trong năm (i)	-	-	-	-	(10.889.508.000)	(10.889.508.000)					
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(229.525.029)	(229.525.029)					
Chi thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	-	-	(74.500.000)	(74.500.000)					
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(765.083.430)	(765.083.430)					
Tặng khác	-	-	-	-	403.348.684	403.348.684					
Tại ngày 31/12/2013	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	1.473.497.115	6.372.946.692	38.969.184.697					
Tại ngày 01/01/2014	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	1.473.497.115	6.372.946.692	38.969.184.697					
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	2.773.239.863	2.773.239.863					
Chia cổ tức trong năm (i)	-	-	-	-	(3.111.288.000)	(3.111.288.000)					
Hoàn nhập quỹ thưởng	-	-	-	-	29.525.029	29.525.029					
Ban Điều hành năm 2013	-	-	-	-	(54.000.000)	(54.000.000)					
Chi thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-					
Tại ngày 30/6/2014	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	1.473.497.115	6.010.423.584	38.606.661.589					

(i): Chia cổ tức năm 2013 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên 2014 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không số 09/2014/NQ-ĐHĐCĐ-XNK ngày 28/4/2013. Theo đó, mức chi trả lần 2 năm 2013 bằng tiền, tỷ lệ 12% (1.200 VND/cổ phiếu) là 3.111.288.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 4/14, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.10 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)****4.10.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Tên Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận			Số vốn đã góp		
	Đăng ký Kinh doanh		Tại ngày 30/6/2014		Tại ngày 01/01/2014	
	Số tiền 1.000 VND	%	Số cổ phần 1.000 CP	Số tiền 1.000 VND	Số cổ phần 1.000 CP	Số tiền 1.000 VND
TCT Hàng không Việt Nam	10.710.000	41,31	1.071	10.710.000	-	10.710.000
Các cổ đông khác	15.217.400	58,69	1.521,74	15.217.400	1.521,74	15.217.400
Cộng	25.927.400	100	2.592,74	25.927.400	2.592,74	25.927.400



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.10 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)

4.10.2 Cổ phiếu

	Tại ngày 30/6/2014 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.600.000	2.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.592.740	2.592.740
- Cổ phiếu phổ thông	2.592.740	2.592.740
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.592.740	2.592.740
- Cổ phiếu phổ thông	2.592.740	2.592.740
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng/CP	10.000	10.000

4.10.3 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND
Lợi nhuận sau thuế	2.773.239.863	3.461.363.154
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	2.592.740	2.592.740
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	1.070	1.335

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	133.294.288.826	177.685.344.720
Doanh thu bán hàng hóa	101.667.597.676	148.499.358.459
Doanh thu dịch vụ ủy thác nhập khẩu	8.568.319.930	6.662.703.338
Doanh thu dịch vụ ủy thác vận chuyển	17.637.631.976	16.752.078.815
Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà	4.367.620.748	4.535.937.948
Doanh thu dịch vụ bán vé máy bay	1.053.118.496	1.156.078.660
Doanh thu dịch vụ khác	-	79.187.500
Doanh thu thuần	133.294.288.826	177.685.344.720

5.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND
Giá vốn bán hàng hóa	95.787.615.263	141.667.716.668
Giá vốn dịch vụ ủy thác vận chuyển	16.756.153.622	16.015.669.130
Giá vốn dịch vụ khác	-	63.448.400
Cộng	112.543.768.885	157.746.834.198

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi	218.932.022	690.469.160
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	733.055.670	23.224.644
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.192.052.361
Cộng	951.987.692	1.905.746.165

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	33.227.306	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	659.329.975	1.218.486.255
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	121.249.314	-
Cộng	813.806.595	1.218.486.255

5.5 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND
Chi phí nhân viên	5.600.397.921	4.240.582.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.826.228	14.826.228
Cộng	5.615.224.149	4.255.409.141

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.629.716.291	5.927.433.061
Chi phí vật liệu văn phòng	418.457.164	438.381.351
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	137.241.752	119.749.043
Chi phí khấu hao tài sản	583.830.354	709.099.318
(Hoàn nhập) CP dự phòng phải thu NH khó đòi	-	(1.255.958.897)
Thuế và các khoản lệ phí	86.341.550	276.535.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.683.885.706	3.467.698.020
Chi phí khác bằng tiền	1.298.759.385	2.023.486.816
Cộng	10.838.232.202	11.706.423.762

5.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.551.057.801	4.641.365.529
Điều chỉnh các khoản tăng/(giảm) lợi nhuận	(15.521.721)	78.643.966
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	(15.521.721)	-
Các khoản thu nhập/ chi phí không tính thuế khác	(15.521.721)	-
<i>Các khoản chênh lệch tạm thời</i>	-	78.643.966
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	78.643.966
Lợi nhuận sau điều chỉnh	3.535.536.080	4.720.009.495
Lỗi tính thuế năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	3.535.536.080	4.720.009.495
Thuế suất (%)	22%	25%
Thuế TNDN ước tính trong năm	777.817.938	1.180.002.375
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành ước tính	777.817.938	1.180.002.375
Thuế TNDN phải trả đầu năm	858.698.389	365.170.417
Thuế TNDN đã trả trong năm	(1.087.108.944)	(1.424.961.844)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	549.407.383	120.210.948

5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND
Chi phí nhân viên	10.230.114.212	10.168.015.974
Chi phí vật liệu	96.206.072.427	142.106.098.019
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	137.241.752	119.749.043
Chi phí khấu hao TSCĐ	598.656.582	723.925.546
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	-	(1.255.958.897)
Thuế và các khoản lệ phí	86.341.550	276.535.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.440.039.328	19.546.815.550
Chi phí khác bằng tiền	1.298.759.385	2.023.486.816
Cộng	128.997.225.236	173.708.667.101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

6.1 Công cụ tài chính

6.1.1 Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (Bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.12 "Công cụ tài chính".

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày 30/6/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.492.621.978	20.360.846.173
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.214.980.211	52.440.903.051
Cộng	62.707.602.189	72.801.749.224

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày 30/6/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	33.553.922.160	34.953.815.208
Cộng	33.553.922.160	34.953.815.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)

6.1.1 Các loại công cụ tài chính (Tiếp)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn mà chúng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Với hoạt động của mình, Công ty phải đối mặt với rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro này như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: Rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá khác. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014, Công ty không có rủi ro lãi suất trọng yếu do phần lớn các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ liên quan chủ yếu tới hoạt động của Công ty như một số chi phí, thu nhập, các khoản vay của Công ty bằng đồng tiền khác với đồng tiền hạch toán của Công ty – VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)

6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)

	Ngoại tệ	Tại ngày 30/6/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	7.153,46	121.645,77
Phải thu khách hàng, trả trước cho người bán	USD	1.201.874,90	283.274,08
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán, người mua trả tiền trước	USD	(2.327.191,72)	(1.190.718,71)
Tài sản/nợ phải trả tài chính thuần	USD	(1.118.163,36)	(785.798,86)
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	EUR	19.538,55	19.538,55
Phải thu khách hàng, trả trước cho người bán	EUR	33.587,50	11.395,95
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán, người mua trả tiền trước	EUR	(168.157,28)	(89.813,78)
Tài sản/nợ phải trả tài chính thuần	EUR	(115.031,23)	(58.879,28)
Tài sản tài chính			
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán, người mua trả tiền trước	GBP	-	(400,00)
Tài sản tài chính thuần	GBP	-	(400,00)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có khoản rủi ro tín dụng đáng kể nào. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 6.3 "Nghịệp vụ và số dư với các bên liên quan".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)

6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc tổng tài sản ngắn hạn lớn hơn 1,39 lần so với nợ ngắn hạn, duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Qua đó, làm giảm rủi ro thanh khoản của Công ty và hiện tại, Công ty đang đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

Dưới đây là bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	34.953.815.208	-	34.953.815.208
Tại ngày 30/6/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	33.553.922.160	-	33.553.922.160

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty; Tổng Công ty Hàng không Việt Nam và các công ty trực thuộc Tổng Công ty;

Trong kỳ, Công ty có số dư và nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	74.043.535.376	49.570.929.822
Doanh thu bán hàng hóa	50.792.769.737	29.077.867.311
Doanh thu ủy thác nhập khẩu	5.710.208.592	3.614.970.535
Doanh thu ủy thác vận chuyển	17.305.879.249	16.443.264.270
Doanh thu dịch vụ bán vé máy bay	234.677.798	355.640.206
Doanh thu khác	-	79.187.500
Công ty TNHH KT Máy bay VAECO	2.753.349.911	17.098.644.485
Doanh thu bán hàng hóa	-	13.925.818.182
Doanh thu ủy thác vận chuyển	134.480.000	163.360.000
Doanh thu ủy thác nhập khẩu	2.618.869.911	3.009.466.303
Cộng	76.796.885.287	66.669.574.307

Số dư với bên liên quan

- Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.2 - "Phải thu của khách hàng";
- Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.6 - "Phải trả người bán";
- Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.7 - "Người mua trả tiền trước"; và
- Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.9 - "Các khoản phải trả, phải nộp khác".

Thu nhập của Ban Giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND
Lương thưởng của HĐQT, Ban Giám đốc	694.852.839	612.270.187
Thưởng Ban Quản lý, điều hành năm 2013	200.000.000	-
Thù lao HĐQT, BKS 6 tháng đầu năm 2014	112.000.000	91.000.000
Cộng	1.006.852.839	703.270.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.3 Các cam kết quan trọng

Cam kết cung cấp trang thiết bị

Ngày 28/12/2008, Công ty ký hợp đồng số 213/HĐKT với Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Trung về việc cung cấp và lắp đặt thiết bị hệ thống đèn hiệu hàng không đường CHC 35L-17R, 35R -17L và phần nguồn cho hệ thống đèn hiệu Cảng Hàng không Đà Nẵng có trị giá 1.825.068,51 EUR và 20.228.934.862 VND. Hợp đồng này kéo dài khoảng ba năm. Ngày 08/02/2012, hai bên ký phụ lục hợp đồng số 09 ngày 08/11/2012 nhằm bổ sung hợp đồng số 213/HĐKT với giá trị điều chỉnh là 1.964.069,15 EUR và 21.374.343.807 VND.

Đến ngày 30/06/2014, Công ty đã thực hiện được khoảng 85% khối lượng công việc.

6.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014.

6.5 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2014 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 được soát xét.



Nguyễn Quốc Trường
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2014

Dương Ánh Hồng
Phụ trách kế toán

Trần Thị Ninh
Người lập